

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

GS.TS. Nguyễn Đình Phan

Đại học Kinh tế Quốc dân

Giáo dục đại học ở nước ta, trong những năm đổi mới vừa qua đã đạt được những thành tựu quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, cung cấp cho đất nước nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần quan trọng vào thành công của sự nghiệp đổi mới, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH- HĐH) và hội nhập quốc tế (HNQT). Tuy nhiên chất lượng giáo dục đại học chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH- HĐH và HNQT. Nhằm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, cần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam, “thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, bảo đảm cơ chế tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo”

Từ khoá: chất lượng giáo dục đại học, kiểm định chất lượng

1. Thực trạng chất lượng giáo dục đại học ở nước ta hiện nay

Chất lượng giáo dục đại học là một phạm trù rất khó định nghĩa và đo lường, hiện nay chưa có một định nghĩa thống nhất. Theo các chuyên gia đầu ngành về chất lượng giáo dục, chất lượng, có thể được nhìn nhận qua 6 khía cạnh sau:

- Chất lượng được ngầm hiểu là chuẩn mực cao
- Chất lượng là sự thực thi một công tác không có sai sót.
- Chất lượng là hoàn thành những mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch.
- Chất lượng là những đo lường phản ánh thành quả xứng đáng với đầu tư.
- Chất lượng là một quy trình liên tục cho phép khách hàng (tức sinh viên) đánh giá sự hài lòng của họ khi theo học.
- Theo bộ tiêu chuẩn ISO 9000: 2000 “Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng yêu cầu”

Theo chúng tôi định nghĩa của bộ tiêu chuẩn ISO 9000: 2000 về chất lượng giáo dục đại học là phù hợp, bởi vì: i) Chất lượng có mức độ cao, thấp tùy thuộc vào sự phát triển khoa học- công nghệ, tùy thuộc vào đầu tư; ii) Tập hợp các đặc tính vốn có sẽ phản ánh giá trị sử dụng của sản phẩm; iii) Chất lượng là sự phù hợp với yêu cầu của khách hàng

(sinh viên). Các đặc tính vốn có của chất lượng giáo dục đại học (chất lượng của sinh viên tốt nghiệp) đó là: sức khoẻ, phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng, phương pháp. Các đặc tính vốn có được thể hiện bằng hàng loạt các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ tiêu. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành 10 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí về chất lượng giáo dục đại học. Mười tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học đó là: i) Sứ mạng và mục tiêu của Trường đại học; (2) Tổ chức quản lý; (3) Chương trình giáo dục; (4) Hoạt động đào tạo; (5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; (6) Người học; (7) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; (8) Hoạt động hợp tác quốc tế; (9) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác; (10) Tài chính và quản lý tài chính.

Trong những năm đổi mới vừa qua, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, quy mô giáo dục đại học tăng nhanh (bảng 1).

Số liệu từ bảng 1 chỉ rõ: từ năm học 2007- 2008 đến nay số lượng sinh viên đại học liên tục tăng, 2008- 2009 tăng: 5,27%; 2009- 2010: tăng 9,35%; 2011- 2010: tăng 5,67%. Cùng với thành tích đạt được về số lượng đào tạo, giáo dục đại học Việt Nam trong những năm qua đã có những cố gắng phấn đấu về đảm bảo chất lượng, thể hiện:

- Từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước, các trường đại học đã đổi mới căn bản chương trình đào

Bảng 1: Quy mô giáo dục đại học

Chi tiêu	Năm học				2010 – 2011 so với 2007-2008
	2007 – 2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	
Trường	140	146	149	163	116,43
Trong đó: Công lập	100	101	103	113	113,00
Ngoài công lập	40	45	46	50	125,00
+ Sinh viên	1.180.547	1.242.778	1.358.861	1.435.887	121,63
Trong đó: - Hệ chính quy	688.288	773.923	862.569	970.644	141,02
- Hệ cử tuyển	5.765	5562	7189	7448	129,19
- Hệ vừa học vừa làm	486.494	463.293	489.103	457.795	
+ Giảng viên	38.217	41.007	45.961	50.951	133,32
Trong đó phân theo trình độ					
- Tiến sĩ	5643	5879	6448	7338	130,03
- Thạc sĩ	15.421	17.046	19.856	22.865	148,27

Nguồn: www.moet.gov.vn. 15/6/2012

tạo, từ chương trình theo yêu cầu của cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang chương trình theo yêu cầu của cơ chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Các chương trình đổi mới đã bảo đảm tính hiện đại, phù hợp với Việt Nam, hội nhập với quốc tế.

- Thực hiện đa dạng hoá các hình thức đào tạo. Các trường đại học công lập và dân lập bên cạnh việc coi trọng hệ đào tạo chính quy, đã phát triển các hệ đào tạo khác như: đào tạo vừa học vừa làm (tạm chức), đào tạo từ xa, đào tạo liên thông...

- Các trường, bắt đầu áp dụng một số các biện pháp đảm bảo, nâng cao chất lượng như: đào tạo theo tín chỉ thay cho đào tạo niên chế; khảo thí; kiểm định chất lượng. Đào tạo theo học chế tín chỉ đã tạo cơ hội cho sinh viên được chủ động học tập (thời gian nhanh chậm, cùng một lúc học 2 chương trình, sinh viên có quyền chọn môn học, chọn thầy...).

- Đẩy mạnh hỗ trợ và hợp tác quốc tế giúp huy động nguồn lực quan trọng và tạo ra khâu đột phá trong chất lượng giáo dục đại học.

Hỗ trợ và hợp tác quốc tế được thực hiện với các hình thức chủ yếu: i) phát triển Dự án giáo dục đại học của Ngân hàng thế giới (WB) và các dự án khác như SIDA, JICA, ADB, EU, SAV... và ii) Phát triển liên doanh, liên kết giữa trường đại học phía Việt Nam và trường Đại học nước ngoài trong đào tạo đại học. Nhờ hỗ trợ và hợp tác quốc tế, các trường đại học của Việt Nam có thêm vốn và đặc biệt tiếp nhận chuyển giao công nghệ đào tạo từ các trường Đại học của các nước có nền giáo dục tiên tiến, tạo

khâu đột phá về chất lượng đào tạo đại học.

Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực, thế giới và so với yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam trong những năm qua còn nhiều yếu kém “chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế” (3). Chất lượng yếu kém thể hiện qua các tiêu chí, chỉ tiêu:

- “Kết quả điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2010 cho thấy cả nước có tới 63% số sinh viên ra trường không có việc làm, 37% số còn lại có việc làm thì hầu hết phải đào tạo lại và nhiều người không làm đúng ngành nghề được đào tạo, trong khi đó nhiều doanh nghiệp, kể cả những doanh nghiệp có FDI và nhiều dự án kinh tế quan trọng khác rất thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp” (6).

- Sinh viên đại học tốt nghiệp ra trường yếu về kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thực hành, yếu về ngoại ngữ và tin học.

- Sinh viên luôn bị động, thiếu nhanh nhẹn và thiếu tự tin.

- Không một trường đại học nào của Việt Nam có trong danh sách xếp hạng đại học trên thế giới của THES, GUARDIAN, MACLEAN, hay Đại học Giao thông Thương Hải (Trung Quốc) khi xếp hạng các trường Đại học tiêu chí quan trọng là dựa vào thành tích nghiên cứu khoa học tầm quốc tế (số bài báo quốc tế được đăng và số lần trích dẫn các bài báo quốc tế). Số liệu điều tra cho thấy năm học 2001– 2002. Số bài báo quốc tế được đăng của

trường đại học Chulalongkorn (Thái Lan) gấp 13 lần Đại học Quốc gia Hà Nội. Số nhà khoa học sử dụng và trích dẫn các công trình cho họ gấp từ 15 đến 73 lần.

Nguyên nhân của yếu kém về chất lượng giáo dục đại học trong những năm qua do:

Một là, Mất cân đối nghiêm trọng giữa tăng quy mô, số lượng đào tạo với tăng các điều kiện đảm bảo chất lượng. Số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ rõ: sau 22 năm (1987- 2009) số sinh viên tăng 13 lần, số trường đại học, cao đẳng tăng 3,7 lần, nhưng số giảng viên chỉ tăng 3 lần. Năm 1987 một giảng viên đại học, cao đẳng bình quân có 6,6 sinh viên và đến năm 2009 bình quân có 28 sinh viên. Năm 1987 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ là 10,09% và đến năm 2009 con số này cũng chỉ là 10,16%.

Hai là, Cơ chế quản lý với giáo dục đại học còn ảnh hưởng của tập trung quan liêu, “xin – cho”, giáo dục đại học chưa được khẳng định là dịch vụ mà vẫn còn coi là hoạt động sự nghiệp hoạt động công ích. Hàng năm Bộ Giáo dục Đào tạo vẫn giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường và sinh viên đóng học phí theo quy định thống nhất của cả nước.

Ba là, Quản lý chất lượng giáo dục đại học (bao gồm quản lý nhà nước và quản lý của các trường Đại học) là khâu yếu nhất hiện nay.

Cơ quan nhà nước quản lý các trường đại học rất phân tán. Trong tổng số 376 trường đại học cao đẳng cả nước (2009) Bộ Giáo dục– Đào tạo chỉ quản lý 54 trường (14,4%), các Bộ ngành quản lý 116 trường (30,8%), uỷ ban nhân dân tỉnh thành phố quản lý 125 trường (33,2%) và 81 trường dân lập, tư thục. Bộ chưa làm tốt chức năng quản lý nhà nước như: xây dựng quy hoạch phát triển các trường xây dựng, các tiêu chuẩn chất lượng... trong khi đó lại ôm đồm, làm thay nhiều việc thuộc quản lý của các trường. Các trường thường tư duy theo nhiệm kỳ, ít quan tâm đến chiến lược phát triển trường, đến nâng cao chất lượng và cạnh tranh.

2. Đổi mới quan điểm và các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Nhằm đáp ứng các yêu cầu CNH– HĐH khách quan đòi hỏi phải đổi mới: quan điểm và các giải pháp đào tạo đại học trong thời gian từ nay đến năm 2020.

2.1. Đổi mới quan điểm

Trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung giáo dục đại học là hoạt động sự nghiệp, hoạt động công ích,

nhưng sang cơ chế thị trường cần coi nó là dịch vụ đặc biệt. Bởi vì, đào tạo là hoạt động được tiến hành giữa người cung ứng với khách hàng và thường là hoạt động không hữu hình. Khách hàng của đào tạo là: sinh viên, cơ sở tuyển dụng, phụ huynh... Mặt khác cơ sở đào tạo (trường học) là một công ty – “một thực thể được thành lập theo luật pháp và hoạt động vì mục đích lợi nhuận hay phi lợi nhuận, do Chính phủ hay tư nhân sở hữu hoặc kiểm soát”. Khác với các dịch vụ thông thường như: dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, dịch vụ ngân hàng,... đào tạo là dịch vụ đặc biệt, bởi lẽ nhà nước có vai trò rất quan trọng với đào tạo, do đào tạo tác động đến con người– nhân tố cơ bản, quyết định sự phát triển của kinh tế- xã hội.

- Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo hướng: chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá; dân chủ hoá và hội nhập quốc tế.

- Chất lượng giáo dục đại học được nâng cao toàn diện bao gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo, năng lực ngoại ngữ và tin học.

- Chất lượng giáo dục đại học phải được đổi mới đồng bộ ở các khâu: “đầu vào” “quá trình dạy và học” và “đầu ra”.

2.2. Các giải pháp

2.2.1. Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý ngang tầm khu vực và thế giới

Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học là yếu tố quyết định sự phát triển giáo dục đại học và chất lượng giáo dục đại học. Mặc dù trong nhiều năm qua ngành giáo dục đại học đã có nhiều cố gắng xây dựng đội ngũ. Nhưng đội ngũ này còn thiếu về số lượng, chưa hợp lý về cơ cấu, đặc biệt yếu kém về chất lượng. Tỷ lệ giảng là tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư còn thấp so với khu vực và thế giới. Đây là chưa kể trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư của ta so với các nước tiên tiến còn thua kém. Vì vậy phải nhanh chóng và tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu là đến năm 2020 “60% giảng viên đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên, 100% giảng viên đại học– cao đẳng sử dụng thành thạo môn ngoại ngữ. Thực hiện đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học– cao đẳng với phương án kết hợp đào tạo trong và ngoài nước để đến năm 2020 có 25% giảng viên đại học là tiến sĩ”.

Đây là chỉ tiêu cao so với hiện nay, đòi hỏi phải có sự phân đầu nỗ lực.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý ngang tầm khu vực và thế giới, phải tích cực giải quyết các vấn đề mấu chốt là:

- Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý hiện có.

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý.

Nhu cầu đào tạo mới rất lớn. Mặt khác đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý hiện có rất đông. Họ đã và đang làm việc tốt, nhưng còn hạn chế về trình độ, năng lực so với yêu cầu. Do đó phải đào tạo lại thông qua tự đào tạo hoặc trường lớp. Trong đào tạo và đào tạo lại cần thực hiện các ưu tiên chính là: (1) Tích cực đào tạo đội ngũ giảng viên thông qua cử đi học ở nước ngoài; (2) Khuyến khích và tạo điều kiện để các giảng viên tham gia các chương trình liên kết đào tạo và nghiên cứu với các trường đại học nước ngoài.

- Có chính sách thu hút và sử dụng người tài làm việc trong các trường đại học.

2.2.2. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Kiểm định chất lượng giáo dục đại học là một quá trình đánh giá bên ngoài nhằm đưa ra một quyết định công nhận một trường hay một chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng các chuẩn mực quy định. Một đánh giá không nhằm mục đích đưa ra một quyết định công nhận thì không phải là kiểm định chất lượng.

Luật giáo dục, năm 2005 định nghĩa: “Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác”.

Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.

Kiểm định chất lượng giáo dục – đào tạo đã có lịch sử phát triển lâu dài ở Hoa Kỳ và Bắc Mỹ, nhưng trước đây ít được các nước khác biết đến. Trong cơ chế thị trường, giáo dục– đào tạo phát triển mạnh và theo cơ chế thị trường, với bối cảnh đó, kiểm định chất lượng trở thành một công cụ hữu hiệu của nhiều nước trên thế giới để duy trì các chuẩn mực chất lượng giáo dục đào tạo và không

ngừng nâng cao chất lượng dạy và học.

Mục đích chính của kiểm định chất lượng là nhằm đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng nguồn nhân lực và đảm bảo quyền lợi cho người học. Đồng thời tạo ra động lực cải tiến và nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo cũng như chất lượng của nhà trường.

Kiểm định chất lượng có thể được tiến hành ở phạm vi trường và chương trình đào tạo. Kiểm định chất lượng của trường quan hệ mật thiết với kiểm định chương trình. Nếu quan niệm đánh giá một trường là đánh giá một cơ thể, thì đánh giá một chương trình đào tạo là đánh giá hoạt động. Một trường thường có nhiều chương trình đào tạo. Một chương trình được thực hiện ở một đơn vị đào tạo (khoa, bộ môn) trực thuộc trường. Để kiểm định chất lượng đào tạo của nhà trường và của chương trình cần xây dựng tiêu chuẩn đánh giá.

Kiểm định chất lượng giáo dục đại học được thực hiện theo quy trình 4 bước: Bước 1: Xây dựng hoặc cập nhật các công cụ kiểm định chất lượng. Bước 2: Tự đánh giá của nhà trường. Bước 3: Đánh giá từ bên ngoài (đánh giá đồng nghiệp). Bước 4: Công nhận những trường hoặc những chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

2.2.3. Đẩy mạnh liên kết và hợp tác quốc tế để huy động và sử dụng nguồn lực quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học

Đầu tư cho giáo dục đại học chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong ngân sách nhà nước và được tăng lên qua các năm. Nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, do đó cần có đầu tư từ xã hội hoá và đầu tư từ nước ngoài. Đầu tư từ nước ngoài thông qua hỗ trợ kỹ thuật, liên kết, hợp tác không chỉ là tạo thêm nguồn tài chính mà quan trọng là đào tạo đội ngũ, tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong đào tạo và quản lý.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò tích cực trong xây dựng, đàm phán, tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong đào tạo và quản lý.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò tích cực trong xây dựng, đàm phán, tiếp nhận các dự án hỗ trợ kỹ thuật, tài chính có quy mô lớn ví dụ: dự án giáo dục đại học của Ngân hàng thế giới.

Các trường Đại học tiếp nhận chuyển giao công nghệ đào tạo từ các trường đại học của các nước có nền giáo dục tiên tiến là một trong những hướng đi quan trọng giúp nâng cao năng lực của hệ thống

giáo dục đại học Việt Nam. Việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ đào tạo bao gồm: nội dung chương trình đào tạo, tổ chức quản lý đào tạo, phương pháp đào tạo... Nó cần được thực hiện qua các hình thức khác nhau như: i) Thông qua các chương trình liên kết với nước ngoài; ii) Thực hiện chương trình đào tạo tiên tiến theo Đề án của Chính phủ; iii) Khảo sát tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm nước ngoài.

2.2.4. *Đổi mới quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học và đổi mới quản trị của các trường đại học*

Quản lý với giáo dục đại học bao gồm: quản lý Nhà nước và quản trị của các trường đại học. Hai lĩnh vực quản lý này có quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau – chỉ phối lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau và chúng nằm trong một hệ thống quản lý thống nhất. Do đó phải đổi mới đồng bộ. Đổi mới quản lý giáo dục đại học là khâu đột phá trong đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Đổi mới quản lý nhà nước với giáo dục đại học, trong những năm tới phải tập trung vào các vấn đề lớn, quan trọng như:

- Hoàn thiện Luật giáo dục và xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp quy về phát triển giáo dục đại học.

- Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đại học và xây dựng, điều chỉnh quy hoạch các trường đại học và cao đẳng. Thực hiện Nghị quyết trung ương 2 (khoá VIII) Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và thực hiện đề án quy hoạch mạng lưới trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2001– 2010. Đến nay trước sự phát triển nhanh chóng của các trường đại học đòi hỏi phải điều chỉnh lại quy hoạch theo

hướng tránh phát triển tự phát, manh mún, phán tán, trùng lặp không cần thiết.

- Xây dựng tiêu chuẩn để phát triển giáo dục đại học nói chung và quản lý chất lượng nói riêng.

Mô hình quản trị đại học Việt Nam mặc dù đã có những cải tiến, điều chỉnh nhất định, nhưng vẫn là mô hình quản trị đại học mang dáng dấp của thời kỳ kế hoạch hoá tập trung bao cấp trước đây. Mô hình này tập trung vào quản lý dạy và học, yếu và thiếu những hoạt động cần thiết khác như: nghiên cứu khoa học, chậm phản ứng kịp thời với những thay đổi nhanh chóng của xã hội; quản lý của các trường đại học tập trung quyền lực vào ban giám hiệu các trường, các khoa, bộ môn hầu như không có vai trò đáng kể trong xác định nhu cầu đào tạo, hoạch định chiến lược, xác định kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, hoạt động đối ngoại của nhà trường. Do đó thiếu động lực phát triển, kìm hãm sự sáng tạo, chủ động, năng động, các nguồn lực không được phát huy có hiệu quả. Vì vậy phải đổi mới quản trị đại học theo hướng:

- Quản trị đại học cần phân quyền, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các trường đại học. Có lộ trình thực hiện đầy đủ các quyền tự chủ về: tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức, tài chính...

- Thổi chế hoá việc phân cấp, phân quyền đến khoa, bộ môn tạo cho các đơn vị này có vị trí tương đối độc lập trong cơ cấu tổ chức các trường. □

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Đảng Cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội 2011.
2. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020: dần hình thành xã hội học tập: www.sggp.ogr.vn. 19/06/2012.
3. Nghị quyết số 50/2010/QH 12 ngày 19/6/2010 về việc thực hiện chính sách pháp luật về thành lập trường, đầu tư và bảo đảm chất lượng đào tạo đối với giáo dục đại học.
4. Quyết định số 58/2010/QĐ – TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”.
5. Quyết định số 38/2004/QĐ – BGD&ĐT về kiểm định chất lượng trường đại học.
6. PGS.TS. Đường Vinh Sừng, Giáo dục, đào tạo với phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tạp chí Cộng sản số 833 (3/2012) .
7. PGS.TS. Bùi Anh Tuấn “Góp phần bàn về cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam. Tạp chí Cộng sản số 807 (3/2010).
8. TS. Ngô Thị Tuyết Mai “Thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo đại học đáp ứng nhu cầu xã hội. Tạp chí Hoạt động khoa học 6/1992.
9. GS. Nguyễn Văn Tuấn. Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Tạp chí Tia sáng.